

Số: 180/TB-ĐHSPKTNĐ

Nam Định, ngày 22 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc phân công giảng dạy học kỳ I năm học 2024-2025

Thực hiện Kế hoạch giảng dạy năm học 2024-2025, Ban Giám hiệu yêu cầu các đơn vị triển khai phân công cán bộ giảng dạy học kỳ I năm học 2024-2025 như sau:

1. Đối với khoa, bộ môn trực thuộc

- Bố trí giờ giảng cho cán bộ giảng dạy (CBGD) cơ hữu, kiêm nhiệm số giờ được phân công (có Báo giờ kèm theo) đảm bảo cân đối giờ giảng cả năm học của CBGD, đúng quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên. Cán bộ giảng dạy các lớp đại học phải có trình độ thạc sĩ trở lên;

- Đối với các học phần tự chọn, các khoa phối hợp với cán bộ quản lý lớp tư vấn cho sinh viên lựa chọn 1 học phần tự chọn để đăng ký học;

- Đề xuất phương án tổ chức giảng dạy đối với những lớp học phần có số sinh viên nhỏ hơn 10. Có thể thực hiện ghép lớp, thay thế học phần tương đương hoặc chuyển sang làm đồ án (trường hợp không thực hiện được thì có văn bản đề nghị Ban Giám hiệu);

- Trường hợp vẫn còn giờ chưa được phân công thì đề xuất phương án bằng văn bản trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Gửi Bảng phân công giảng dạy có đề xuất đợt học của các học phần (theo mẫu) về phòng Đào tạo và file vào hòm thư: phongdaotao.skn@moet.edu.vn trước ngày 18/07/2024 (đ/c Quyền tiếp nhận).

2. Đối với phòng Đào tạo

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch đăng ký học tập cho sinh viên;
- Tổng hợp, kiểm tra việc phân công giảng dạy;
- Lập thời khóa biểu.

3. Đối với Trung tâm thực hành

- Bố trí phòng thực hành cho các học phần thực hành, mô-đun theo Kế hoạch giảng dạy năm học 2024-2025;

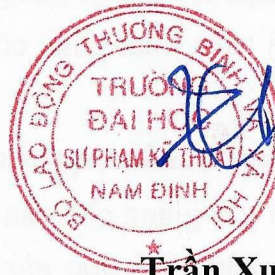
- Gửi danh sách phòng thực hành cho các học phần thực hành, mô-đun (theo mẫu) về phòng Đào tạo trước ngày 18/07/2024 (đ/c Quyền tiếp nhận).

Yêu cầu các Ông/Bà trưởng đơn vị liên quan triển khai thực hiện Thông báo này, nếu có vướng mắc trong quá trình thực hiện thì Trưởng đơn vị phản ánh kịp thời về Ban Giám hiệu (qua Phòng Đào tạo) để giải quyết. *qtu/*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các khoa;
- Trung tâm thực hành;
- Phòng QTTB;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Xuân Thanh

BÁO GIỜ GIẢNG DẠY CÁC LỚP ĐẠI HỌC

Học kỳ I năm học 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số 480/TB-ĐHSPKTND ngày 22 tháng 7... năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

I. ĐẠI HỌC KHÓA 16

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
1	LTWS0513L	Lập trình Web-1-24 (ĐH16.01)-1.1.08	3	33	45			6	S		CNTT 16
2	PTUD0513L	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động-1-24 (ĐH16.01)-1.1.08	3	33	45			6	S		
3	GAME0513L	Lập trình Game-1-24 (ĐH16.01)-1.1.08	3	33	45			6	S		
4	JASC0512L	JavaScripts-1-24 (ĐH16.01)-1.1.08	2	33	30			4	S		
5	LTWS0513L	Lập trình Web-1-24 (ĐH16.02)-2.2.08	3	32	45			6	S		
6	PTUD0513L	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động-1-24 (ĐH16.02)-2.2.08	3	32	45			6	S		
7	GAME0513L	Lập trình Game-1-24 (ĐH16.02)-2.2.08	3	32	45			6	S		
8	JASC0512L	JavaScripts-1-24 (ĐH16.02)-2.2.08	2	32	30			4	S		
9	TQBM0513T	Thực hành thiết kế, quản trị và bảo trì hệ thống mạng-1-24 (ĐH16.01)-1.2.08	3	22	102				S		
10	PTUW0513T	Thực hành phát triển ứng dụng web-1-24 (ĐH16.01)-1.2.08	3	22	102				S		
11	TQBM0513T	Thực hành thiết kế, quản trị và bảo trì hệ thống mạng-1-24 (ĐH16.02)-1.2.08	3	22	102				S		
12	PTUW0513T	Thực hành phát triển ứng dụng web-1-24 (ĐH16.02)-1.2.08	3	22	102				S		
13	TQBM0513T	Thực hành thiết kế, quản trị và bảo trì hệ thống mạng-1-24 (ĐH16.03)-1.2.08	3	21	102				S		
14	PTUW0513T	Thực hành phát triển ứng dụng web-1-24 (ĐH16.03)-1.2.08	3	21	102				S		
15	DADT0611D	Đồ án điện, điện tử-1-24 (ĐH16.01)-1.1.07	1	28	48				S		ĐĐT 16
16	MTGD0612L	Cấu trúc máy tính và giao diện-1-24 (ĐH16.01)-1.1.07	2	28	30			4	S		
17	SCAD0612L	Hệ thống SCADA-1-24 (ĐH16.01)-1.1.07	2	28	30			4	S		
18	TKDT0612L	Thiết kế mạch điện tử-1-24 (ĐH16.01)-1.1.07	2	28	30			4	S		
19	VIDK0612T	Thực hành vi điều khiển-1-24 (ĐH16.01)-2.2.07	2	28	68				S		
20	TBDT0612T	Thực hành trang bị điện, điện tử công nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-2.2.07	2	28	68				S		
21	CDCN0613L	Chuyên đề công nghệ điện, điện tử-1-24 (ĐH16.01)-1.1.07	3	28	45			6	S		
22	ANAT0612L	Hệ thống kiểm soát an ninh, an toàn-1-24 (ĐH16.01)-2.2.07	2	28	30			4	S	Chọn 1 học phần	
23	TBTM0612L	Điều khiển thiết bị thông minh -1-24 (ĐH16.01)-2.2.07	2	28	30			4	S		
24	DAKT0612D	Đồ án kỹ thuật điện-1-24 (ĐH16.01)-1.1.06	2	14	96				S		KTĐ 16
25	NTBA0612L	Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp-1-24 (ĐH16.01)-1.1.06	2	14	30			4	S		
26	HTDI0612L	Hệ thống điện-1-24 (ĐH16.01)-1.1.06	2	14	30			4	S		
27	TBTM0613T	Thực hành trang bị điện-1-24 (ĐH16.01)-2.2.06	3	14	102				S		
28	DKLT0612T	Thực hành điều khiển lập trình-1-24 (ĐH16.01)-2.2.06	2	14	68				S		
29	TKHT0613L	Thiết kế hệ thống điện phân xưởng-1-24 (ĐH16.01)-1.1.06	3	14	45			6	S		
30	SDHQ0612L	Sử dụng năng lượng hiệu quả -1-24 (ĐH16.01)-1.1.06	2	14	30			4	S	Chọn 1 học phần	
31	BTCN0612L	Biến tần công nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-1.1.06	2	14	30			4	S		
32	KTNL0612L	Kỹ thuật nhiệt lạnh -1-24 (ĐH16.01)-1.2.07	2	42	30			4	S	Chọn 1 học phần	ĐĐT 16, KTĐ 16
33	KTLU0612L	Kỹ thuật lạnh ứng dụng-1-24 (ĐH16.01)-1.2.07	2	42	30			4	S		
34	RBCN0612L	Rôbot công nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-1.1.05	2	44	30			4	S		
35	DADK0612D	Đồ án điều khiển tự động-1-24 (ĐH16.01)-1.1.05	2	44	96				S		
36	MTTC0612L	Mạng truyền thông công nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-1.1.05	2	44	30			4	S		
37	DCTD0613L	Điều chỉnh tự động truyền động điện-1-24 (ĐH16.01)-1.1.05	3	44	45			6	S		
38	KTNL0612L	Kỹ thuật nhiệt lạnh-1-24 (ĐH16.01)-2.2.05	2	44	30			4	S	Chọn 1 học phần	
39	KTLU0612L	Kỹ thuật lạnh ứng dụng -1-24 (ĐH16.01)-2.2.05	2	44	30			4	S		

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H D T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
40	TDSX0612L	Tự động hóa sản xuất và hệ thống sản xuất tự động-1-24 (ĐH16.01)-1.1.05	2	44	30			4	S	Chọn 1 học phần	ĐKTĐ 16
41	TDQT0612L	Tự động hóa quá trình công nghệ -1-24 (ĐH16.01)-2.2.05	2	44	30			4	S		
42	TBTM0613T	Thực hành trang bị điện-1-24 (ĐH16.01)-1.2.05	3	22	102				S		
43	DKLT0612T	Thực hành điều khiển lập trình-1-24 (ĐH16.01)-1.2.05	2	22	68				S		
44	TBTM0613T	Thực hành trang bị điện-1-24 (ĐH16.02)-1.2.05	3	22	102				S		
45	DKLT0612T	Thực hành điều khiển lập trình-1-24 (ĐH16.02)-1.2.05	2	22	68				S		
46	DACT0411D	Đồ án chi tiết máy-1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	1	23	48				S		CTM 16
47	CADM0412L	Công nghệ CAD/CAM-1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S		
48	TKNG0412L	Công nghệ thiết kế ngược-1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S		
49	THT20412T	Thực hành tiên 2-2-23 (ĐH16.01)-2.2.04	2	23	68				S		
50	THBX0412T	Thực hành bảo, xọc 2-23 (ĐH16.01)-2.2.04	2	23	68				S		
51	THT30412T	Thực hành tiên 3-1-24 (ĐH16.01)-2.2.04	2	23	68				S		
52	PHY20412T	Thực hành phay 2-1-24 (ĐH16.01)-2.2.04	2	23	68				S		
53	ROBO0412L	Rôbốt công nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S	Chọn 1 học phần	
54	CIFS0412L	Hệ thống CIM và FMS -1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S		
55	XLBM0412L	Các phương pháp xử lý bề mặt-1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S	Chọn 1 học phần	
56	PHSP0412L	Công nghệ phục hồi sản phẩm -1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S		
57	KTTK0412L	Kỹ thuật thủy khí-1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S	Chọn 1 học phần	
58	VTMT0412L	Vẽ và thiết kế trên máy tính -1-24 (ĐH16.01)-1.1.04	2	23	30			4	S		
59	DACT0411D	Đồ án chi tiết máy-1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	1	36	48				S		Ô TÔ 16
60	HTXE0412L	Hệ thống điện thân xe-1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S		
61	TTOT0412L	Tính toán ô tô-1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S		
62	TBTN0412L	Thiết bị tiện nghi ô tô-1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S		
63	CDKT0412L	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô-1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S		
64	VTMT0412L	Vẽ và thiết kế trên máy tính-1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S	Chọn 1 học phần	
65	KTTK0412L	Kỹ thuật thủy khí -1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S		
66	CNSC0412L	Công nghệ sửa chữa ô tô-1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S	Chọn 1 học phần	
67	KDOT0412L	Công nghệ kiểm định ô tô -1-24 (ĐH16.01)-1.1.03	2	36	30			4	S		
68	DACT0411D	Đồ án chi tiết máy-1-24 (ĐH16.02)-2.2.03	1	37	48				S		
69	HTXE0412L	Hệ thống điện thân xe-1-24 (ĐH16.02)-2.2.03	2	37	30			4	S		
70	TTOT0412L	Tính toán ô tô-1-24 (ĐH16.02)-2.2.03	2	37	30			4	S		
71	TBTN0412L	Thiết bị tiện nghi ô tô-1-24 (ĐH16.02)-2.2.03	2	37	30			4	S		
72	CDKT0412L	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô-1-24 (ĐH16.02)-2.2.03	2	37	30			4	S		
73	KTTK0412L	Vẽ và thiết kế trên máy tính-1-24 (ĐH16.02)-2.2.03	2	37	30			4	S	Chọn 1 học phần	
74	KTTK0412L	Kỹ thuật thủy khí -1-24 (ĐH16.02)-1.1.03	2	36	30			4	S		
75	CNSC0412L	Công nghệ sửa chữa ô tô-1-24 (ĐH16.02)-2.2.03	2	37	30			4	S	Chọn 1 học phần	
76	KDOT0412L	Công nghệ kiểm định ô tô -1-24 (ĐH16.02)-1.1.03	2	36	30			4	S		
77	HTPO0412T	Thực hành hệ thống phanh-1-24 (ĐH16.01)-1.2.03	2	24	68				S		
78	HTLT0412T	Thực hành hệ thống treo, lái-1-24 (ĐH16.01)-1.2.03	2	24	68				S		
79	HTPO0412T	Thực hành hệ thống phanh-1-24 (ĐH16.02)-1.2.03	2	24	68				S		
80	HTLT0412T	Thực hành hệ thống treo, lái-1-24 (ĐH16.02)-1.2.03	2	24	68				S		
81	HTPO0412T	Thực hành hệ thống phanh-1-24 (ĐH16.03)-1.2.03	2	25	68				S		
82	HTLT0412T	Thực hành hệ thống treo, lái-1-24 (ĐH16.03)-1.2.03	2	25	68				S		
83	PLKT0213L	Pháp luật kinh tế-1-24 (ĐH16.01)-1.2.01	3	27	40	1	10	6	S		KT 16, QTKD 16
84	QTTC0712T	Quản trị tài chính-1-24 (ĐH16.01)-1.2.01	2	27	68				S		QTKD 16
85	KTDT0712L	Kinh tế đầu tư 1-24 (ĐH16.01)-1.2.01	2	10	30			4	S	Chọn 1 học phần	KT 16, QTKD 16
86	LPDA0712L	Lập và phân tích dự án đầu tư 1-24 (ĐH16.01)-1.2.01	2	27	30			4	S		KT 16
87	TTQT0712L	Thanh toán quốc tế 1-24 (ĐH16.01)-1.2.01	2	17	30			4	S		
88	KTNV0713L	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa-1-24 (ĐH16.01)-1.1.02	3	17	45			6	S		
89	KITC0713L	Kiểm toán tài chính-1-24 (ĐH16.01)-2.2.02	3	17	45			6	S		
90	KTQR0712L	Kế toán quản trị-1-24 (ĐH16.01)-2.2.02	2	17	30			4	S		
91	TTKT0713T	Thực tập nghề nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-2.2.02	3	17	144				S		

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
92	CDQT0711D	Chuyên đề quản trị doanh nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-1.1.01	1	10	48				S		QTKD 16
93	QTLG0713L	Quản trị Logistic-1-24 (ĐH16.01)-1.1.01	3	10	45			6	S		
94	QCLG0713L	Quản trị chất lượng-1-24 (ĐH16.01)-1.1.01	3	10	45			6	S		
95	TTCS0713T	Thực tập nghề nghiệp-1-24 (ĐH16.01)-1.1.01	3	10	144				S		

II. ĐẠI HỌC KHÓA 17

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
1	TLHC0313L	Tâm lý học-1-24 (ĐH17.06)-1-2.11	3	44	45			6	S		CNTT 17, KHMT 17, CNĐL 17
2	THCM0212L	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-24 (ĐH17.06)-1-2.11	2	44	22	1	16	4	S		
3	KTMT0513L	Kiến trúc máy tính-1-24 (ĐH17.01)-1-2.11	3	40	45			6	S		
4	MMTI0513L	Mạng máy tính-1-24 (ĐH17.01)-1-2.11	3	40	45			6	S		CNTT 17, KHMT 17
5	PHDT0512L	Phân tích thiết kế hướng đối tượng-1-24 (ĐH17.01)-1-1.11	2	37	30			4	S		
6	PMMP0513T	Thực hành phần mềm mô phỏng-1-24 (ĐH17.01)-1-1.11	3	19	102				S		CNTT 17
7	PMMP0513T	Thực hành phần mềm mô phỏng-1-24 (ĐH17.02)-1-1.11	3	18	102						
8	PTTK0512L	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý-1-24 (ĐH17.01)-2-2.11	2	3	30			4	S		KHMT 17
9	XLVD0513T	Thực hành kỹ thuật xử lý video-1-24 (ĐH17.01)-2-2.11	3	3	102				S		
10	XLVD0512L	Kỹ thuật xử lý video-1-24 (ĐH17.01)-1-2.11	2	40	30			4	S	Chọn 1 học phần	CNTT 17, KHMT 17
11	CBDT0512L	Chế bán điện tử	2	40	30			4	S		
12	THCM0212L	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-24 (ĐH17.05)-1-3.10	2	47	22	1	16	4	S		ĐĐT 17, KTĐ 17
13	TLHC0313L	Tâm lý học-1-24 (ĐH17.05)-1-3.10	3	47	45			6	S		
14	VIXL0612L	Vi xử lý-1-24 (ĐH17.02)-1-3.10	2	51	30			4	S		ĐĐT 17, KTĐ 17, CNĐL 17
15	NNLT0612L	Ngôn ngữ lập trình-1-24 (ĐH17.01)-1-1.10	2	23	30			4	S		
16	KMDT0613L	Kỹ thuật mạch điện tử-1-24 (ĐH17.01)-1-1.10	3	23	45			6	S		ĐĐT 17
17	DTC0612T	Thực hành điện tử công suất-1-24 (ĐH17.01)-1-1.10	2	23	68				S		
18	DTXS0613T	Thực hành điện tử cơ bản - xung số-1-24 (ĐH17.01)-1-2.10	3	23	102				S		
19	HTDK0613L	Hệ thống điều khiển tự động-1-24 (ĐH17.01)-3-3.10	3	24	30			6	S		KTĐ 17
20	MDI20612L	Máy điện 2-1-24 (ĐH17.01)-3-3.10	2	24	45			4	S		
21	DTC0612T	Thực hành điện tử công suất-1-24 (ĐH17.02)-3-3.10	2	24	68				S		
22	DTXS0613T	Thực hành điện tử cơ bản - xung số-1-24 (ĐH17.02)-3-3.10	3	24	102				S		CNĐL 17
23	YKTL0612L	Kỹ thuật lạnh-1-24 (ĐH17.01)-2-2.10	2	4	30			4	S		
24	YKTD0613L	Kỹ thuật ĐHKH, thông gió-1-24 (ĐH17.01)-2-2.10	3	4	45			6	S		
25	YCHC0612L	Cơ học chất lưu ứng dụng -1-24 (ĐH17.01)-2-2.10	2	4	30				S		
26	YDLT0612T	Thực hành đo lường và thiết bị đo-1-24 (ĐH17.01)-2-2.10	2	4	68				S		
27	YDTC0612T	Thực hành điện tử cơ bản-1-24 (ĐH17.01)-2-2.10	2	4	68				S		ĐKTĐ 17
28	THCM0212L	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-24 (ĐH17.04)-1-1.09	2	49	22	1	16	4	S		
29	TLHC0313L	Tâm lý học-1-24 (ĐH17.04)-1-1.09	3	49	45			6	S		
30	VIXL0612L	Vi xử lý-1-24 (ĐH17.01)-1-1.09	2	49	30			4	S		
31	TRDD0612L	Truyền động điện-1-24 (ĐH17.01)-1-1.09	2	49	30			4	S		
32	CADC0412L	Kỹ thuật CAD/CAM-1-24 (ĐH17.01)-1-1.09	2	49	30			4	S		
33	CBCN0612L	Cảm biến công nghiệp-1-24 (ĐH17.01)-1-1.09	2	49	30			4	S		
34	DTXS0613T	Thực hành điện tử cơ bản - xung số-1-24 (ĐH17.01)-1-1.09	3	25	102				S		
35	DTXS0613T	Thực hành điện tử cơ bản - xung số-1-24 (ĐH17.02)-1-1.09	3	24	102				S		
36	DOGA0412L	Đồ gá-1-24 (ĐH17.01)-1-2.08	2	13	30			4	S		CTM 17, KTKM 17

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
37	MDKS0412L	Máy điều khiển số-1-24 (ĐH17.01)-1-1.08	2	12	30			4	S		CTM 17
38	THAN0411T	Thực hành Hàn trong chế tạo máy-1-24 (ĐH17.01)-1-1.08	1	12	34				S		
39	TNGU0411T	Thực hành nguội trong chế tạo máy-1-24 (ĐH17.01)-1-1.08	1	12	34				S		
40	PHY10412T	Thực hành phay 1-1-24 (ĐH17.01)-1-1.08	2	12	68				S		
41	HSTH0412L	Hệ thống sản xuất linh hoạt và tích hợp-1-24 (ĐH17.01)-3-3.08	2	5	30			4	S		CĐT 17
42	TMC20412T	Thực hành máy công cụ 2-1-24 (ĐH17.01)-3-3.08	2	5	68				S		
43	TDCB0612T	Thực hành điện cơ bản-1-24 (ĐH17.01)-3-3.08	2	5	68				S		
44	UDPM0412L	Ứng dụng phần mềm CAD/CAM cho thiết kế và gia công sản phẩm cơ khí-1-24 (ĐH17.01)-3-3.08	2	5	30			4	S	Chọn 1 học phần	
45	ĐKMT0612L	Điều khiển bằng máy tính -1-24 (ĐH17.01)-3-3.08	2	5	30			4	S		
46	KCHA0412L	Kết cấu hàn-1-24 (ĐH17.01)-5-5.08	2	9	30			4	S		KTCK 17
47	USBD0412L	Ứng suất và biến dạng hàn-1-24 (ĐH17.01)-5-5.08	2	9	30			4	S		
48	THQG0413T	Thực hành hàn hồ quang que hàn thuốc bọc liên kết góc-1-24 (ĐH17.01)-5-5.08	3	9	102				S		
49	TKKL0412L	Thiết kế khuôn kim loại-1-24 (ĐH17.01)-2-2.08	2	1	30			4	S		KTKM 17
50	THHQ0412L	Thực hành hồ quang-1-24 (ĐH17.01)-2-2.08	2	1	68				S		
51	PHCB0412T	Thực hành phay cơ bản-1-24 (ĐH17.01)-2-2.08	2	1	68				S		
52	VLK10412L	Vật liệu kỹ thuật 1 -1-24 (ĐH17.01)-2-2.08	2	1	30			4	S		
53	KCOT0414L	Kết cấu ô tô-1-24 (ĐH17.01)-4-4.08	4	27	60			8	S		Ô TÔ 17A
54	KCOT0414L	Kết cấu ô tô-1-24 (ĐH17.02)-4-4.08	4	31	60			8	S		Ô TÔ 17B
55	DDCO0412T	Thực hành điện động cơ-1-24 (ĐH17.01)-1-4.08	2	20	68				S		Ô TÔ 17
56	CKDC0412T	Thực hành động cơ-1-24 (ĐH17.01)-1-4.08	2	20	68				S		
57	DDCO0412T	Thực hành điện động cơ-1-24 (ĐH17.02)-1-4.08	2	19	68				S		
58	CKDC0412T	Thực hành động cơ-1-24 (ĐH17.02)-1-4.08	2	19	68				S		
59	DDCO0412T	Thực hành điện động cơ-1-24 (ĐH17.03)-1-4.08	2	19	68				S		
60	CKDC0412T	Thực hành động cơ-1-24 (ĐH17.03)-1-4.08	2	19	68				S		
61	TLHC0313L	Tâm lý học-1-24 (ĐH17.03)-1-4.08	3	44	45			6	S		CTM 17, Ô TÔ 17B, KTKM 17
62	THCM0212L	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-24 (ĐH17.03)-1-4.08	2	44	22	1	16	4	S		
63	NLC10412L	Nguyên lý - chi tiết máy 1-1-24 (ĐH17.01)-1-4.08	2	44	30			4	S		
64	SBVL0412L	Sức bền vật liệu-1-24 (ĐH17.01)-1-4.08	2	43	30			4	S		CTM 17, Ô TÔ 17B
65	TLHC0313L	Tâm lý học-1-24 (ĐH17.02)-1-4.08	3	41	45			6	S		CĐT 17, KTCK 17, Ô TÔ 17A
66	THCM0212L	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-24 (ĐH17.02)-1-4.08	2	41	22	1	16	4	S		
67	NLC10412L	Nguyên lý - chi tiết máy 1-1-24 (ĐH17.02)-1-4.08	2	41	30			4	S		
68	SBVL0412L	Sức bền vật liệu-1-24 (ĐH17.02)-1-4.08	2	41	30			4	S		
69	KTC20713L	Kế toán tài chính 2-1-24 (ĐH17.01)-2-2.07	3	16	45			6	S		KT 17
70	THK20712T	Thực hành kế toán tài chính 2-1-24 (ĐH17.01)-2-2.07	2	16	68				S		
71	HVKH0712T	Hành vi khách hàng-1-24 (ĐH17.01)-1-1.07	2	9	68				S		QTKD 17
72	QTHP0712T	Quản trị hành chính văn phòng-1-24 (ĐH17.01)-1-1.07	2	9	68				S		
73	QKDT0712T	Quản trị kho bãi dự trữ-1-24 (ĐH17.01)-3-3.07	2	5	68				S		LGT 17
74	GNVT0712T	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế-1-24 (ĐH17.01)-3-3.07	2	5	68				S		
75	THCM0212L	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-24 (ĐH17.01)-1-3.07	2	30	22	1	16	4	S		KT 17, QTKD 17, LGT 17
76	TLHC0313L	Tâm lý học-1-24 (ĐH17.01)-1-3.07	3	30	45			6	S		
77	MKCB0713L	Marketing căn bản-1-24 (ĐH17.01)-1-3.07	3	30	45			6	S		
78	TKDN0712L	Thống kê doanh nghiệp-1-24 (ĐH17.01)-1-3.07	2	30	30			4	S		
79	TCDN0713L	Tài chính doanh nghiệp-1-24 (ĐH17.01)-1-3.07	3	30	45			6	S		

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				

III. ĐẠI HỌC KHÓA 18

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm	H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
1	TACD0112L	Tiếng anh chuyên ngành chế tạo máy-1-24 (ĐH18.01)-1-1.12	2	6	30			4	S		CTM 18
2	CGKL0412L	Nguyên lý cắt gọt kim loại-1-24 (ĐH18.01)-1-1.12	2	6	30			4	S		
3	MCKL0412L	Máy cắt kim loại đại cương-1-24 (ĐH18.01)-1-1.12	2	6	30			4	S		
4	CTM10412L	Công nghệ chế tạo máy 1-1-24 (ĐH18.01)-1-1.12	2	6	30			4	S		
5	TACO0112L	Tiếng anh chuyên ngành Cơ điện tử-1-24 (ĐH18.01)-2-2.13	2	5	30			4	S		CĐT 18
6	KTDI0612L	Kỹ thuật điện tử-1-24 (ĐH18.01)-2-2.13	2	5	30			4	S		
7	CGK10412L	Kỹ thuật gia công cắt gọt kim loại 1-1-24 (ĐH18.01)-2-2.13	2	5	30			4	S		
8	KTXS0612L	Kỹ thuật Xung - Số-1-24 (ĐH18.01)-2-2.13	2	5	30			4	S		
9	DTCS0612L	Điện tử công suất-1-24 (ĐH18.01)-2-2.13	2	5	30			4	S		Ô TÔ 18A
10	TAOT0112L	Tiếng anh chuyên ngành ô tô-1-24 (ĐH18.01)-2-2.12	2	36	30			4	S		
11	NLDC0412L	Nguyên lý động cơ đốt trong-1-24 (ĐH18.01)-2-2.12	2	36	30			4	S		
12	KCDC0414L	Kết cấu động cơ đốt trong-1-24 (ĐH18.01)-2-2.12	4	36	60			8	S		
13	TAOT0112L	Tiếng anh chuyên ngành ô tô-1-24 (ĐH18.02)-1-1.13	2	37	30			4	S		Ô TÔ 18B
14	NLDC0412L	Nguyên lý động cơ đốt trong-1-24 (ĐH18.02)-1-1.13	2	37	30			4	S		
15	KCDC0414L	Kết cấu động cơ đốt trong-1-24 (ĐH18.02)-1-1.13	4	37	30			8	S		
16	TACK0112L	Tiếng anh chuyên ngành kỹ thuật cơ khí-1-24 (ĐH18.01)-3-3.13	2	2	30			4	S		KTCK 18
17	LTBD0412L	Lý thuyết biến dạng dẻo kim loại-1-24 (ĐH18.01)-3-3.13	2	2	30			4	S		
18	LTHA0412L	Lý thuyết hàn-1-24 (ĐH18.01)-3-3.13	2	2	30			4	S		
19	VLHA0412L	Vật liệu hàn-1-24 (ĐH18.01)-3-3.13	2	2	30			4	S		
20	KTCT0212L	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-24 (ĐH18.01)-1-2.12	2	42	22	1	16	4	S		CTM 18, Ô TÔ 18A
21	TCD10112L	Toán chuyên đề 1-1-24 (ĐH18.01)-1-2.12	2	42	30			4	S		
22	KTDT0612L	Kỹ thuật điện - điện tử-1-24 (ĐH18.01)-1-2.12	2	42	30			4	S		
23	CLTH0412L	Cơ lý thuyết-1-24 (ĐH18.01)-1-2.12	2	42	30			4	S		
24	GTC30111T	Giáo dục thể chất 3-1-24 (ĐH18.01)-1-2.12	1	42	30				S		CĐT 18, KTCK 18, Ô TÔ 18B
25	KTCT0212L	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-24 (ĐH18.02)-1-3.13	2	44	22	1	16	4	S		
26	TCD10112L	Toán chuyên đề 1-1-24 (ĐH18.02)-1-3.13	2	44	30			4	S		
27	CLTH0412L	Cơ lý thuyết-1-24 (ĐH18.02)-1-3.13	2	44	30			4	S		
28	GTC40111T	Giáo dục thể chất 4-1-24 (ĐH18.01)-1-3.13	1	44	30				S		KTCK 18, Ô TÔ 18B
29	KTDT0612L	Kỹ thuật điện - điện tử-1-24 (ĐH18.02)-1-3.13	2	39	30			4	S		
30	TADT0112L	Tiếng anh chuyên ngành Điện - Điện tử-1-24 (ĐH18.01)-1-1.14	2	51	30			4	S		ĐKTDK 18
31	TCD10112L	Toán chuyên đề 1-1-24 (ĐH18.03)-1-1.14	2	51	30			4	S		
32	KTCT0212L	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-24 (ĐH18.03)-1-1.14	2	51	22	2	32	4	S		
33	ATLD0612L	An toàn lao động-1-24 (ĐH18.01)-1-1.14	2	51	30			4	S		
34	VEKT0412L	Vẽ kỹ thuật-1-24 (ĐH18.01)-1-1.14	2	51	30			4	S		
35	DLTB0612L	Đo lường điện và thiết bị đo-1-24 (ĐH18.01)-1-1.14	2	51	30			4	S		
36	DTCB0613L	Điện tử cơ bản-1-24 (ĐH18.01)-1-1.14	3	51	45			6	S		
37	KYTS0612L	Kỹ thuật số-1-24 (ĐH18.01)-1-1.14	2	51	30			4	S		
38	GTC30111T	Giáo dục thể chất 3-1-24 (ĐH18.02)-1-1.14	1	51	34				S		
39	TAKT0112L	Tiếng anh kinh tế-1-24 (ĐH18.01)-1-1.15	2	28	30			4	S		
40	QTRH0712L	Quản trị học-1-24 (ĐH18.01)-1-1.15	2	28	30			4	S		

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
41	KTVM0713L	Kinh tế học vĩ mô-1-24 (ĐH18.01)-1-1.15	3	28	45			6	S		KT 18, QTKD 18, LGT 18
42	THUE0712L	Thuế-1-24 (ĐH18.01)-1-1.15	2	28	30			4	S		
43	NLKT0713L	Nguyên lý kế toán-1-24 (ĐH18.01)-1-1.15	3	28	45			6	S		
44	TADT0112L	Tiếng anh chuyên ngành Điện - Điện tử-1-24 (ĐH18.02)-2-2.15	2	31	30			4	S		ĐĐT 18, KTD 18, HTĐ 18, CNĐL 18
45	ATLD0612L	An toàn lao động-1-24 (ĐH18.02)-2-2.15	2	31	30			4	S		
46	VEKT0412L	Vẽ kỹ thuật-1-24 (ĐH18.02)-2-2.15	2	31	30			4	S		
47	DLTB0612L	Đo lường điện và thiết bị đo-1-24 (ĐH18.02)-2-2.15	2	31	30			4	S		
48	DTCB0613L	Điện tử cơ bản-1-24 (ĐH18.02)-2-2.15	3	31	45			6	S		
49	KYTS0612L	Kỹ thuật số-1-24 (ĐH18.02)-2-2.15	2	31	30			4	S		CNTT 18, ĐHMT 18
50	TATI0112L	Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thông tin-1-24 (ĐH18.01)-3-3.15	2	37	30			4	S		
51	XLAP0512L	Kỹ thuật xử lý ảnh-1-24 (ĐH18.01)-3-3.15	2	37	30			4	S		
52	CTDL0513L	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-24 (ĐH18.01)-3-3.15	3	37	45			6	S		
53	LHDT0513L	Lập trình hướng đối tượng-1-24 (ĐH18.01)-3-3.15	3	37	45			6	S		
54	TKDI0512L	Thiết kế đồ họa với Illustrator-1-24 (ĐH18.01)-3-3.15	2	37	30			4	S	Chọn 1 học phần	KT 18, QTKD 18, LGT 18
55	TKDC0512L	Thiết kế đồ họa với Corel Draw-1-24 (ĐH18.01)-3-3.15	2	37	30			4	S		
56	TCD10112L	Toán chuyên đề 1-1-24 (ĐH18.04)-1-2.15	2	28	30			4	S		
57	KTCT0212L	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-24 (ĐH18.04)-1-2.15	2	28	22	1	16	4	S		
58	GTC30111T	Giáo dục thể chất 3-1-24 (ĐH18.03)-1-2.15	1	28	30				S		
59	TCD10112L	Toán chuyên đề 1-1-24 (ĐH18.05)-1-2.15	2	31	30			4	S		ĐĐT 18, KTD 18, HTĐ 18, CNĐL 18
60	KTCT0212L	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-24 (ĐH18.05)-1-2.15	2	31	22	1	16	4	S		
61	GTC30111T	Giáo dục thể chất 4-1-24 (ĐH18.02)-1-2.15	1	31	30				S		
62	GTC40111T	Giáo dục thể chất 4-1-24 (ĐH18.03)-2-3.15	1	37	34				S		CNTT 18, ĐHMT 18
63	TCD10112L	Toán chuyên đề 1-1-24 (ĐH18.06)-2-3.15	2	37	30			4	S		
64	KTCT0212L	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-24 (ĐH18.06)-2-3.15	2	37	22	1	16	4	S		

IV. LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC KHÓA 16

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH ĐA		BT TL TN		H Đ T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
1	OTTN0418D	Đồ án tốt nghiệp-1-24 (LT16.01)-5-5.16	8	16	384				S/C		LTĐH - OTO 16
2	HHDC0112L	Hóa học đại cương-1-24 (LT16.01)-5-5.16	2	2	30				S/C		
3	THCM0212L	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-24 (LT16.01)-1.2.16	2	40	22	1	16	4	S/C		LTĐH - HTĐ 16B, 16A
4	LSVN0212L	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam-1-24 (LT16.01)-1.2.16	2	38	22	1	16	4	S/C		
5	HTTN0618D	Đồ án tốt nghiệp-1-24 (LT16.01)-1.2.16	8	41	384				S/C		
6	VLDC0113L	Vật lý đại cương-1-24 (LT16.01)-1.2.16	3	41	45			6	S/C		LTĐH - HTĐ 16A,B
7	KTCT0212L	Kinh tế chính trị Mác - Lênin-1-24 (LT16.01)-1.2.16	2	24	22	1	16	4	S/C		
8	TADT0112L	Tiếng anh điện-1-24 (LT16.01)-1-1.16	2	17	30			4	S/C		LTĐH - HTĐ 16A
9	TCD10112L	Toán chuyên đề 1-1-24 (LT16.01)-2.3.16	2	7	30			4	S/C		LTĐH - HTĐ 16B

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH DA		BT TL TN		H D T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				

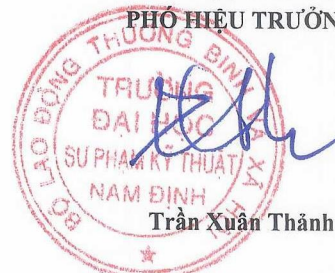
V. LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC KHÓA 17

STT	Mã học phần	Tên lớp học phần	TC/HS	LT TH DA		BT TL TN		H D T H	Ca học	Ghi chú	Ngành/ Lớp
				Sĩ số	Số tiết	Số nhóm	Số tiết học/ Nhóm				
1	TLHC0313L	Tâm lý học-1-24 (LT17.01)-1-2.17	3	38	45			6	S/C		LTĐH - Ôtô 17, HTĐ 17
2	SBVL0412L	Sức bền vật liệu-1-24 (LT17.01)-1-1.17	2	16	30			4	S/C		LTĐH - Ôtô 17
3	KCOT0414L	Kết cấu ô tô-1-24 (LT17.01)-1-1.17	4	16	60			8	S/C		
4	CNKL0412L	Công nghệ kim loại-1-24 (LT17.01)-1-1.17	2	16	30			4	S/C		
5	NLC20412L	Nguyên lý - chi tiết máy 2-1-24 (LT17.01)-1-1.17	2	16	30			4	S/C		
6	TNDO0412L	Thí nghiệm động cơ và ô tô-1-24 (LT17.01)-1-1.17	2	16	30			4	S/C		
7	HTXE0412L	Hệ thống điện thân xe-1-24 (LT17.01)-1-1.17	2	16	30			4	S/C		
8	DACT0411D	Đồ án chi tiết máy-1-24 (LT17.01)-1-1.17	1	16	48				S/C		
9	TDHH0612L	Điều khiển và tự động hóa trong hệ thống điện-1-24 (LT17.01)-2-2.17	2	22	30			4	S/C		LTĐH - HTĐ 17
10	DAHT0612D	Đồ án hệ thống điện-1-24 (LT17.01)-2-2.17	2	22	96				S/C		
11	BHTD0612T	Thực hành bảo vệ hệ thống điện-1-24 (LT17.01)-2-2.17	2	22	68				S/C		
12	TKNL0612L	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả-1-24 (LT17.01)-2-2.17	2	22	30			4	S/C		
13	TBDH0612L	Trang bị điện công nghiệp-1-24 (LT17.01)-2-2.17	2	22	30			4	S/C		
14	VHTD0612L	Vận hành hệ thống điện-1-24 (LT17.01)-2-2.17	2	22	30			4	S/C		
15	TDHH0613T	Thực hành điều khiển và tự động hóa trong HTĐ-1-24 (LT17.01)-2-2.17	3	22	102				S/C		
16	LTUD0513T	Thực hành lập trình ứng dụng với Java-1-24 (LT17.01)-1-1.18	3	25	102				S/C		LTĐH - CNTT 17
17	LTWS0513L	Lập trình Web-1-24 (LT17.01)-1-1.18	3	25	45			6	S/C		
18	PTUD0513L	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động-1-24 (LT17.01)-1-1.18	3	25	45			6	S/C		
19	PMMP0513T	Thực hành phần mềm mô phỏng-1-24 (LT17.01)-1-1.18	3	25	102				S/C		
20	LTUD0513L	Lập trình ứng dụng với Java-1-24 (LT17.01)-1-1.18	3	25	45			6	S/C		
21	DACM0512D	Đồ án chuyên môn-1-24 (LT17.01)-1-1.18	2	25	96				S/C		
22	QTTC0712T	Quản trị tài chính-1-24 (LT17.01)-1-1.19	2	24	68				S/C		LTĐH - KT 17
23	QTTC0712T	Quản trị tài chính-1-24 (LT17.02)-1-1.19	2	24	68				S/C		
24	KTNV0713L	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa-1-24 (LT17.01)-1-1.19	3	48	45			6	S/C		
25	KITC0713L	Kiểm toán tài chính-1-24 (LT17.01)-1-1.19	3	48	45			6	S/C		
26	TTKT0713T	Thực tập cơ sở-1-24 (LT17.01)-1-1.19	3	48	144				S/C		
27	PTBC0712T	Phân tích báo cáo tài chính-1-24 (LT17.01)-1-1.19	2	24	68				S/C		
28	PTBC0712T	Phân tích báo cáo tài chính-1-24 (LT17.02)-1-1.19	2	24	68				S/C		
29	KTHU0712T	Thực hành kế toán thuế-1-24 (LT17.01)-1-1.19	2	24	68				S/C		
30	KTHU0712T	Thực hành kế toán thuế-1-24 (LT17.02)-1-1.19	2	24	68				S/C		

Ghi chú:

- S: Học ca sáng; C: Học ca chiều;
- Các lớp đại học liên thông học cả ngày thứ bảy, chủ nhật;
- Các lớp tuyển sinh năm 2024 có Báo giờ bổ sung sau.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Xuân Thành